

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC BJC VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC BJC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM BJC BIOTECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BJC BIOTECH.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109099491

3. Ngày thành lập: 21/02/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 3, số 110-112 phố Bà Triệu, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
2.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: Massage mặt, Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ; cắt, tỉa và cạo râu; làm móng chân, móng tay, trang điểm.	9631
3.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế Chi tiết: Bệnh viện (Điều 41 Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009)	8610
4.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Phòng khám đa khoa; chuyên khoa (Điều 41 Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009)	8620
5.	Hoạt động y tế dự phòng Chi tiết: Hoạt động tiêm chủng (Nghị định 104/2016/NĐ-CP Quy định về hoạt động tiêm chủng)	8691
6.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
7.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
8.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
9.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện	8720
10.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
11.	Thu gom rác thải độc hại	3812
12.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821

13.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
14.	Tái chế phế liệu	3830
15.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
16.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
17.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
18.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
19.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
20.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
21.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
22.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim;	4663
25.	Bán buôn tổng hợp	4690
26.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, vécni, kính xây dựng, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;	4752
27.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
28.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh;	4759
29.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
30.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
31.	Xây dựng nhà để ở	4101
32.	Xây dựng nhà không để ở	4102
33.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
34.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
35.	Xây dựng công trình điện	4221
36.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
37.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

38.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
39.	Phá dỡ	4311
40.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
41.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
42.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
43.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng	4329
44.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
45.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện dân dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;	4649
46.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
47.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
48.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
49.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
50.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
51.	Bốc xếp hàng hóa	5224
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
54.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
55.	Quảng cáo	7310
56.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
57.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
58.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý kinh doanh bất động sản và môi giới; - Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản. (Điểm d, g và e Khoản 2 Điều 9 Luật kinh doanh bất động sản) Loại trừ: Hoạt động đấu giá	6820
59.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

60.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động khác; dịch vụ ăn uống khác; dịch vụ phục vụ đồ uống; (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
61.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động khác; dịch vụ ăn uống khác; dịch vụ phục vụ đồ uống;	5629
62.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
63.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
64.	Cơ sở lưu trú khác	5590
65.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
66.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc chỉ được kinh doanh những ngành nghề khi đã đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7110
67.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
68.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212(Chính)
69.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
70.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
71.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	6619
72.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng và thực phẩm bảo vệ sức khỏe;	4632
73.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng và thực phẩm bảo vệ sức khỏe;	4722
74.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HỒ DUY TOÀN	Xóm 2, Xã Nam Anh, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000.000	100.000.000.000	10,000	181836039	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000.000	100.000.000.000	10,000		
2	HỒ THỊ DIỆU HUYỀN	P1404 CT5 Chung cư HuyndaiHillstate, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000.000	600.000.000.000	60,000	B9553333	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000.000	600.000.000.000	60,000		

3	PHẠM NĂNG NGHĨA	Thôn 4, Xã Kiến Quốc, Huyện Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000.000	100.000.000.000	10,000	031005029
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	10.000.000	100.000.000.000	10,000	
4	NGUYỄN VĂN KIÊM	Phòng 604 nhà D9, tổ dân phố số 7, khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20,000	B8969427
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	20.000.000	200.000.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN KIÊM

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 27/11/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: B8969427

Ngày cấp: 18/03/2014

Nơi cấp: *Cục Quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng 604 nhà D9, tổ dân phố số 7, khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 604 nhà D9, tổ dân phố số 7, khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội